

1. MÔN TOÁN 6 – TUẦN 8

TIẾT 25: BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG II

Bài 2.53 : (SGK- tr56) : $x \in \{ 50 ; 108 ; 189 ; 1234 ; 2019 ; 2020 \}$

a) $(x - 12) \div 2$, vì $12 \div 2$
 $\Rightarrow x \in \{ 50 ; 108 ; 1234 ; 2020 \}$

b) $(x - 27) \div 3$, vì $27 \div 3$
 $\Rightarrow x \in \{ 108 ; 189 ; 2019 \}$

c) $(x + 20) \div 5$, vì $20 \div 5$
 $\Rightarrow x \in \{ 50 ; 2020 \}$

d) $(x + 36) \div 9$, vì $36 \div 9$
 $\Rightarrow x \in \{ 108 ; 189 \}$

Bài 2.55:

a) 21 và 98

$$21 = 3 \cdot 7 ; \quad 98 = 2 \cdot 7^2$$

$$\Rightarrow \text{ƯCLN} (21, 98) = 7 ; \text{BCNN} (21, 98) = 2 \cdot 3 \cdot 7^2 = 294$$

b) 36 và 54

$$36 = 2^2 \cdot 3^2 ; \quad 54 = 2 \cdot 3^3$$

$$\Rightarrow \text{ƯCLN} (36, 54) = 2 \cdot 3^2 = 18 ; \text{BCNN} (36, 54) = 2^2 \cdot 3^3 = 108$$

Bài 2.57:

a) $\text{BCNN} (12, 16) = 3 \cdot 4^2 = 48$

$$\Rightarrow \frac{5}{12} = \frac{5 \cdot 4}{12 \cdot 4} = \frac{20}{48}$$

$$\frac{3}{16} = \frac{3 \cdot 3}{16 \cdot 3} = \frac{9}{48}$$

$$\text{Vậy } \frac{3}{16} = \frac{20}{48} + \frac{9}{48} = \frac{29}{48}$$

b) $\text{BCNN} (15, 9) = 3^2 \cdot 5 = 45$

$$\Rightarrow \frac{4}{15} = \frac{4 \cdot 3}{15 \cdot 3} = \frac{12}{45}$$

$$\frac{2}{9} = \frac{2 \cdot 5}{9 \cdot 5} = \frac{10}{45}$$

$$\text{Vậy } \frac{2}{9} = \frac{12}{45} - \frac{10}{45} = \frac{2}{45}$$

Bài 2.60 :

Vì mỗi số nguyên tố chỉ có ước là 1 và chính nó mà 79 và 97 là hai số nguyên tố khác nhau nên $\text{ƯCLN}(79, 97) = 79 \cdot 97 = 7663$

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại toàn bộ nội dung kiến thức đã học.
- Hoàn thành nốt các bài tập còn thiếu trên lớp.
- Tìm hiểu trước chương mới và đọc trước bài mới “Tập hợp các số nguyên”.

.....

Chương III: Tập hợp các số nguyên

TIẾT 26+27 - §13: TẬP HỢP CÁC SỐ NGUYÊN

1. Làm quen với số nguyên âm

Số nguyên dương, số nguyên âm

+ Các số tự nhiên 1; 2; 3; 4; ... còn được gọi là các số nguyên dương.

+ Các số -1; -2; -3; ... gọi là các số nguyên âm.

+ Tập hợp \mathbb{Z} gồm các số nguyên âm, số 0 và các số nguyên dương được gọi là tập hợp số nguyên.

$$\mathbb{Z} = \{ \dots; -4; -3; -2; -1; 0; 1; 2; 3; \dots \}$$

*** Chú ý:**

1. Số 0 không là số nguyên dương, cũng không là số nguyên âm.

2. Đôi khi ta còn viết thêm dấu “+” ngay trước một số nguyên dương.

VD: số 6 còn viết là +6. (đọc là: “dương sáu”).

Luyện tập 1:

a) VD về ba số nguyên âm và ba số nguyên dương: -9; -3; -55; 12; 34; 99.

b) -9 : âm chín

-3: âm ba

-55: âm năm năm

12: mười hai

34: ba mươi tư

99: chín mươi chín.

Vận dụng 1:

+ Ý nghĩa của số +160 000 trong tin nhắn của ông M có nghĩa là: Ông nhận được 160 000 đồng từ một người nào đó chuyển khoản đến.

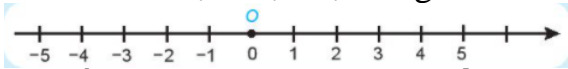
+ Ý nghĩa của số âm trong tin nhắn của ông M có nghĩa là: Ông bị trừ 4 000 000 do ông thanh toán hoặc chuyển tiền cho một người nào khác với số tiền 4 000 000 đồng.

2. Thứ tự trong tập số nguyên

*** Trục số:**

- Ta biểu diễn các số 0; 1; 2; 3;... và các số nguyên âm -1; -2; -3; ... như hình 3.6.

Khi đó ta được một trục số gốc O.



- Chiều từ trái sang phải là **chiều dương**; chiều ngược lại là **chiều âm**.

- Điểm biểu diễn số nguyên a gọi là điểm a.

- Cho hai số nguyên a và b. Trên trục số, nếu điểm a nằm trước điểm b thì số a nhỏ hơn số b, kí hiệu $a < b$.

Luyện tập 2:

a) Xuất phát từ gốc O, di chuyển 5 đơn vị theo chiều dương ta sẽ đi đến điểm 5.

b) Xuất phát từ gốc O, di chuyển 5 đơn vị theo chiều âm ta sẽ đi đến điểm -5.

*** So sánh hai số nguyên:**

1. Mọi số nguyên âm đều nhỏ hơn 0, do đó nhỏ hơn mọi số nguyên dương

2. Nếu a, b là hai số nguyên dương và $a > b$ thì $-a < -b$.

*** Chú ý:**

Kí hiệu $a \leq b$ có nghĩa là $a < b$ hoặc $a = b$.

Ví dụ 1:

a) 10 là số nguyên dương. -29 là số nguyên âm nên $-29 < 10$;

b) Vì $57 > 1$ nên $-57 < -1$.

Luyện tập 3

1. Thứ tự tăng dần của các số đó là: -11; -4; -3; 0; 2; 5; 9.

2. $\{x \in \mathbb{Z} \mid -5 < x \leq 2\} = \{-4; -3; -2; -1; 0; 1; 2\}$.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ghi nhớ kiến thức đã học, tự lấy được các ví dụ về số nguyên.
- Vận dụng hoàn thành các bài tập: **3.24; 3.25** (SGK- tr69); **3.7; 3.8** (SGK)
- Chuẩn bị bài mới “ **Phép cộng và phép trừ số nguyên**”.

2. MÔN NGỮ VĂN 6 – TUẦN 8

Bài 3. YÊU THƯƠNG VÀ CHIA SẺ

Tiết 29. GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN.

1. Miêu tả nhân vật trong truyện kể.

- Ngoại hình: dáng vẻ bề ngoài của nhân vật (thân hình, ánh mắt, làn da, trang phục...)
- Hành động: những cử chỉ, việc làm của nhân vật thể hiện cách ứng xử với bản thân và thế giới xung quanh.
- Ngôn ngữ: lời nói của nhân vật, được xây dựng ở cả hai hình thức đối thoại, độc thoại.
- Thế giới nội tâm: những cảm xúc, tình cảm, ý nghĩ của nhân vật

2.Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.

- Thành phần chính của câu có thể cấu tạo bằng từ, hoặc cụm từ.
- Có nhiều loại cụm từ tiêu biểu như: cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ.

Tiết 30. CÔ BÉ BÁN DIÊM
(Han Cri-xti-an An-đéc-xen)

I.Đọc, tìm hiểu chung.

1.Tác giả,tác phẩm.

- Han Cri-xti-an An-đéc-xen
- Sinh năm 1805, mất năm 1875
- Ông là nhà văn người Đan Mạch, chuyên viết **truyện cổ tích** cho thiếu nhi
- Tác phẩm: Sự hấp dẫn của Andersen lại nằm ở thể loại truyện cổ tích. Năm 1835, ông bắt đầu sáng tác truyện kể nhan đề *Chuyện kể cho trẻ em* .
- Truyện Cô bé bán diêm là một trong những câu chuyện hay nhất của ông.

2.Đọc, chú thích.

- Kiểu văn bản: Tự sự
- Ngôi kể: thứ ba
- Bố cục: 3 phần

II. Đọc- hiểu văn bản

1. Hoàn cảnh của cô bé bán diêm

- *Tình cảnh của cô bé
- Đầu trần, đi chân đất, “đang dò dẫm trong bóng tối”.
- Bụng đói
- Phải đi bán diêm một mình
- >Đói rét, lẻ loi, sợ hãi
- *Cảnh vật xung quanh : No đủ, đậm âm, sáng sủa
- * Gia cảnh
- Mẹ chết, bà nội cũng qua đời, sống với người bố khó tính
- Sống “*chui rúc trong một xó tối tăm*”, “*trên gác sát mái nhà*”
- Đi bán diêm để kiếm sống.

-> Cuộc sống nghèo khổ, thiếu thốn cả vật chất, tinh thần, hết sức đáng thương của cô bé.

2. Những giấc mộng tưởng của cô bé sau những lần quẹt diêm

- Những hình ảnh sau mỗi lần quẹt diêm

Lần 1: em thấy lò sưởi.

Lần 2: em thấy một bàn ăn thịnh soạn.

Lần 3: trong không khí đêm giáng sinh, em thấy hình ảnh của cây thông.

Lần 4: chỉ có bà là người yêu thương em nhất.

Lần 5: Lần cuối cùng em quẹt hết số diêm còn lại để nhìn thấy bà và thật kì lạ ước nguyện cuối cùng của em đã trở thành hiện thực.

=> Thể hiện tâm hồn ngây thơ, trong sáng của em, những ước mơ lãng mạn, diệu kỳ nhất từ đơn giản nhất cho đến ước mơ được sống trong tình yêu thương

Nổi bật hiện thực phũ phàng mà cô bé đang chịu đựng

Tấm lòng thương cảm của nhà văn

3. Cái chết thương tâm của cô bé bán diêm.

vẻ đẹp của em bé khi chết “Có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười” là một cái chết đẹp, hình hài thể xác chết mà linh hồn, khát vọng của em bé vẫn sống (niềm cảm thương xót xa của tác giả).

III. Tổng kết.

*** Nghệ thuật**

- Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, đan xen giữa yếu tố thật và huyền ảo với các tình tiết diễn biến hợp lí

- Ngôi kể thứ ba, ngôn ngữ kể linh hoạt, kết hợp tự sự, miêu tả và biểu cảm.

- Kết cấu truyện theo lối tương phản, đối lập

*** Nội dung**

- Truyện kể về hình ảnh một cô bé bán diêm nghèo khổ, cô đơn, bất hạnh trong đêm giao thừa.

- Qua đó tác giả muốn gửi gắm một thông điệp giàu tính nhân đạo: hãy yêu thương và để trẻ thơ được sống hạnh phúc.

Tiết 31. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT.

I. Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ

- Thành phần chính của câu có thể là một từ, hoặc một cụm từ.

- Dùng cụm từ làm thành phần chính của câu cung cấp được nhiều thông tin hơn cho người đọc, người nghe.

II. Cụm danh từ

- Khái niệm: Cụm danh từ là một tổ hợp từ do một danh từ trung tâm và một số từ ngữ khác phụ thuộc nó tạo thành.

- Cấu tạo đầy đủ của một cụm danh từ gồm 3 phần. Phần phụ trước, phần danh từ trung tâm, phần phụ sau.

- Các từ đứng trước danh từ trung tâm thường thể hiện số lượng sự vật mà danh từ trung tâm thể hiện: Ví dụ: các, những, một, tất cả...

- Các từ đứng sau danh từ trung tâm thường nêu đặc điểm của sự vật, xác định vị trí của sự vật trong không thời gian.

1. Bài tập 1 trang 66: Tìm cụm danh từ trong những câu sau:

a. Nhưng trời giá rét quá, khách qua đường đều rào bước rất nhanh, chẳng có ai đoái hoài đến lời chào hàng của em.

Cụm danh từ:

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 6 - TUẦN 8

- khách qua đường (khách là danh từ trung tâm; qua đường là phần phụ sau, bổ sung ý nghĩa về đặc điểm cho danh từ trung tâm.

- lời chào hàng của em (lời là danh từ trung tâm; chào hàng của em là phần phụ sau, miêu tả định danh cho danh từ trung tâm..

Bài tập 2 trang 66: Tìm một cụm danh từ trong truyện cô bé bán diêm. Từ danh từ trung tâm đó hãy tạo ra ba cụm danh từ khác.

Một cụm danh từ trong truyện Cô bé bán diêm:

Cụm danh từ: hai ngôi nhà; Danh từ trung tâm: ngôi nhà.

Ba cụm danh từ khác:

- những ngôi nhà ấy
- ngôi nhà xinh xắn kia
- ngôi nhà của chúng tôi...

Bài tập 3 trang 66: So sánh những câu văn sau đây và rút ra nhận xét về tác dụng của việc dùng cụm từ làm thành phần chính của câu.

Tác dụng của việc dùng cụm từ làm thành phần chính của câu:

a. - Em bé vẫn lang thang trên đường.

- Em bé đáng thương, bụng đói rét vẫn đang lang thang trên đường.

Cụm danh từ có tác dụng làm rõ cảnh ngộ éo le, sự đáng thương, bất hạnh của cô bé.

Tiết 32. GIÓ LẠNH ĐẦU MÙA

. (Thạch Lam)

I. Đọc, tìm hiểu chung

1. Tác giả, tác phẩm.

- Thạch Lam tên khai sinh là Nguyễn Tường Vinh.-sinh năm 1910, mất năm 1942

-Quê gốc Hà Nội, thuở nhỏ sống ở quê ngoại Hải Dương

-Ông là nhà văn thành công với thể loại truyện ngắn; phong cách viết văn bình dị, giàu cảm xúc và đậm chất thơ.

- Văn bản là tác phẩm truyện ngắn được in trong tập Gió đầu mùa năm 1937.

2. Đọc, chú thích.

- Kiểu văn bản: Tự sự

-Ngôi kể: thứ ba

- Bố cục: 3 phần.

+Phần 1: Từ đầu đến: “*mẹ hơi rơm rớm nước mắt*”: Cảm xúc của Sơn về thiên nhiên, cảnh vật vào buổi sáng khi gió lạnh tràn về.

+ Phần 2: Tiếp theo đến “*ấm áp, vui vui*”: Thái độ, cảm xúc của chị em Sơn với các bạn nhỏ, và quyết định của chị em Sơn.

+ Phần 3 (còn lại): Hành động và cách cư xử của những người mẹ trước việc làm của các con.

- Nhan đề: gọi lên cái lạnh giá của thời tiết mùa đông, là nổi bật tình yêu thương ấm áp của tình người, đặc biệt là tình yêu thương trong sáng hồn nhiên của những đứa trẻ.

3. MÔN ANH 6 – TUẦN 8

**Week 8: Review 1 (Language + Skills) + Revision of the first mid-term test
Period 22,23,24**

REVIEW 1 + REVISION OF THE FIRST MID-TERM TEST

A. LANGUAGE

1. Choose the word whose underlined part is pronounced differently.

1. C 2. A 3. B 4. A 5. B

2. Write the names of school things and furniture in the house which begin with /b/ and /p/.

/b/: book, bed, bag..

/p/: pen, picture, poster...

3. Complete the words.

1. English 2. homework 3. lunch 4. sports 5. badminton

4. Solve the crossword puzzle.

1. friendly 2. kitchen 3. creative 4. ears 5. cheek

5. Look at the picture of a classroom. Choose the best answers A, B, C.

1. B 2. A 3. A 4. B 5. C

6. Complete the sentences with the present simple or present continuous form of the verbs in brackets.

1. is /'s raining 2. do you have 3. Is she studying 4. likes

5. is not / isn't cooking; is /'s reading

B. SKILLS

1. Choose A, B, or C for each blank in the email below.

1. 1.A 2. C 3. C 4. B 5. B

2. Read the text and answer the questions

1. It's in a quiet place not far from the city centre.

2. They are hard-working and kind.

3. They are helpful and friendly.

4. There are five clubs.

5. Because it's a good school

3. Interview two of your classmates about what they like and dislike about your school. Report their answer.

4. An and Mi are talking on the phone. Listen and fill each blank with ONE word

1. home 2. plants 3. living 4. sleeping 5. TV

5. Write an email of about 50 words to your friend. Tell him her about a family member. Use these questions:

From: marry9554@gmail.com

To: nick92@gmail.com

Subject: My family member

Hi Nick,

It's great to hear from you. I'm writing to tell you about my mum.

Of all family members, Mum is the one who I love most. She's 45 years old. She's a teacher so she is always busy with students' notebooks. In her freetime, she loves cooking and reading books, She sometimes makes Banh Xeo – my favorite dish. In the evenings, she helps me with my homework. She explains very gently so I can understand the lessons easily. I love her so much.

What about you? Tell me!

Please write to me soon.

Best wishes,

My My

C. REVISION OF THE FIRST MID-TERM TEST

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KỲ I MÔN ANH 6
(2021-2022)**

A. USE OF ENGLISH

I. PRONUNCIATION

- Pronounce correctly the sounds /ɑ:/ and /ʌ/; /s/ and /z/; /p/ and /b/

II. VOCABULARY

- School things and adjectives
- Verbs (play, do, have, study) + Noun
- Types of house
- Rooms and furniture
- Body parts and appearance
- Personality adjectives

III. GRAMMAR

1. The present simple tense (Thì hiện tại đơn)
2. Adverbs of frequency (Trạng từ chỉ tần suất)
3. Possessive case (Sở hữu cách)
4. Prepositions of place (Giới từ chỉ địa điểm)
5. The present continuous tense (Thì hiện tại tiếp diễn)

B. LISTENING

- Schools activities
- Someone's house
- Best friends

C. READING

- Schools activities
- Rooms and Furniture
- Friends and summer camps.

D. WRITING

- Write a paragraph about one's school.
- Write an email to a friend describing a house.
- Write a diary entry about best friends.

*** HOMEWORK**

- Learn Vocabulary & Grammar by heart.
- Do the exercises in your Workbook.
- Prepare the next lesson.



4. MÔN VẬT LÝ 6 – TUẦN 8

THỰC HÀNH THANG NHIỆT ĐỘ CELSIUS. ĐO NHIỆT ĐỘ

Câu 1 Thực hiện thí nghiệm như mô tả ở thí nghiệm 1 và cho biết cảm nhận của em về độ "nóng", "lạnh" ở các ngón tay khi nhúng vào cốc 2 có như nhau không? Từ đó em có thể rút ra nhận xét gì?

Thí nghiệm 1: *Cảm nhận về độ nóng, lạnh của nước*

Dụng cụ: Ba cốc nước 1, 2, 3 (cho thêm nước đá vào cốc 1 để có nước lạnh và cho thêm nước nóng vào cốc 3 để có nước ấm).

Tiến hành thí nghiệm: Nhúng đồng thời ngón tay trỏ của tay phải vào cốc 1, ngón tay trỏ của tay trái vào cốc 3. Sau một lúc ta rút các ngón tay ra rồi cùng nhúng vào cốc 2.

Trả lời: Cảm nhận về độ "nóng", "lạnh" ở các ngón tay khi nhúng vào cốc 2 khác nhau. Ngón tay từ cốc 1 sẽ có cảm giác nóng, ngón tay từ cốc 3 có cảm giác lạnh hơn dù nước trong cốc 2 có nhiệt độ nhất định.

Nhận xét: Cảm giác của tay không xác định đúng được độ nóng, lạnh của 1 vật mà ta sờ hoặc tiếp xúc với nó.

Câu 2 Để so sánh độ "nóng", "lạnh" của các vật, người ta dùng đại lượng nào?

Trả lời: Để so sánh độ "nóng", "lạnh" của các vật, người ta dùng đại lượng là: nhiệt độ

Câu 3 Kể tên một số loại dụng cụ đo nhiệt độ mà em biết. Nêu những ưu thế và hạn chế của mỗi loại dụng cụ đó.

Trả lời: Một số loại dụng cụ đo nhiệt độ và những ưu thế và hạn chế của mỗi loại dụng cụ đó là:

- **Nhiệt kế thủy ngân:** Ưu điểm đó là phổ biến, giá rẻ và cho độ chính xác cao.
- **Nhiệt kế hồng ngoại:** Ưu điểm đó là thời gian đo nhanh, cách sử dụng đơn giản, độ an toàn cao, vị trí đo đa dạng (thường được dùng trong các bệnh viện), ngoài đo thân nhiệt có thể được sử dụng đo nhiệt độ của các vật thể khác, đo nhiệt độ phòng,...

Câu 4 Có các nhiệt kế như hình 7.6, để đo nhiệt độ sôi của nước trong ấm ta nên dùng loại nhiệt kế nào? Đo nhiệt độ của cơ thể ta nên dùng loại nhiệt kế nào? Vì sao?

Trả lời: Để đo nhiệt độ sôi của nước trong ấm, không dùng được nhiệt kế nào trong hình 7.6. Bởi vì nhiệt độ sôi của nước lên tới 100 độ C, ta phải dùng những loại nhiệt kế có GHĐ lớn hơn hoặc bằng 100 độ C. Trong hình 7.6 cả 3 loại nhiệt kế có GHĐ lần lượt là 45 độ C, 42 độ C và 40 độ C đều không phù hợp để đo nhiệt độ sôi của nước trong ấm

Để đo nhiệt độ cơ thể, có thể dùng được cả 3 nhiệt kế trong hình 7.6. Bởi GHĐ của cả 3 nhiệt kế đều phù hợp để đo nhiệt độ cơ thể con người.

5. MÔN HÓA HỌC 6 – TUẦN 8

Bài 8: SỰ ĐA DẠNG VÀ CÁC THỂ CƠ BẢN CỦA CHẤT.

TÍNH CHẤT CỦA CHẤT(tt)

I/ Sự đa dạng của chất:

II/ Các thể cơ bản của chất:

III/ Tính chất của chất: Mỗi vật thể dù là tự nhiên hay nhân tạo, được tạo nên từ một chất hay nhiều chất đều có tính chất vật lí và hóa học của chúng (trừ khí trơ có có hoạt tính hóa học yếu).

1- Tính chất vật lí:

- Tính chất vật lí là thể, màu, mùi vị, tính tan hay không tan trong nước, nhiệt độ sôi, nhiệt độ nóng chảy

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 6 - TUẦN 8

- + Thí dụ: Tính chất vật lí của nước là, nước ở thể lỏng, có khối lượng riêng là $1\text{g}/\text{cm}^3$. Nước sôi ở 100°C , đông đặc ở 0°C . . .
 - Muốn biết tính chất vật lí của một chất chúng ta phải làm thí nghiệm, quan sát, đo . . .
 - + Thí nghiệm 1: (SGK)
 - + Thí nghiệm 2: (SGK)
 - Mỗi chất tinh khiết ở điều kiện nhất định thì có những tính chất vật lí nhất định.
- 2- Tính chất hóa học:**
- Tính chất hóa học là tính tạo thành chất mới. Như: tính cháy, tính phân hủy . . .
 - Muốn biết tính chất hóa học của một chất chúng ta phải làm thí nghiệm.
 - + Thí nghiệm 3: (SGK)
 - Mỗi chất tinh khiết (chất không lẫn với chất khác) có những tính chất hóa học nhất định.

6. MÔN SINH HỌC 6 – TUẦN 8

CHỦ ĐỀ 8:

ĐA DẠNG THẾ GIỚI SỐNG.

Bài 22: PHÂN LOẠI THẾ GIỚI SỐNG (tt)

A. Nội dung bài học:

3. Các giới sinh vật:

Sinh vật được chia thành 5 giới:

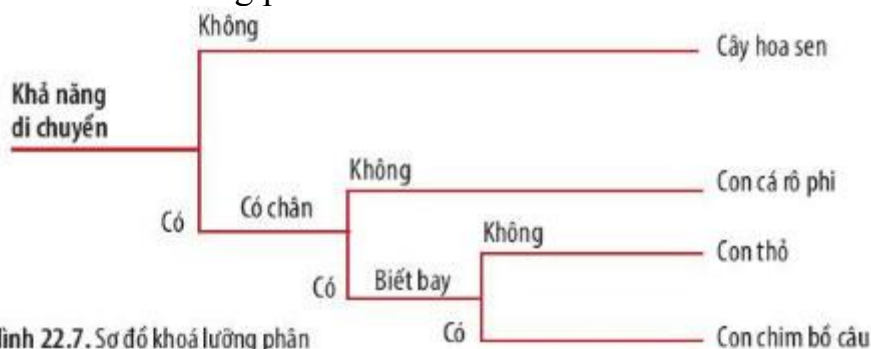
- Giới thực vật: cỏ, hoa, lúa, rêu...
- Giới nấm: nấm men, nấm sợi, nấm mốc
- Giới động vật: gấu, cá, chim, khỉ,...
- Giới nguyên sinh: tảo, nấm nhầy, trùng roi,...
- Giới Khởi sinh: vi khuẩn E.coli,...

4. Khóa lưỡng phân:

* Khóa lưỡng phân: là cách phân loại sinh vật dựa trên một đôi đặc điểm đối lập để phân chia chúng thành hai nhóm.

* Cách xây dựng khóa lưỡng phân: Xác định đặc điểm đặc trưng đối lập của mỗi sinh vật, dựa vào đó để phân chia chúng thành hai nhóm cho đến khi mỗi nhóm chỉ còn lại một sinh vật

Ví dụ: Để phân biệt các sinh vật: con thỏ, cây hoa sen, con cá rô phi, con chim bồ câu ta có sơ đồ khóa lưỡng phân sau:



B. Luyện tập:

- Học bài theo nội dung ghi.
- Làm các bài tập 1, 2, 3 trang 106 SGK
- Xem trước bài 23: Thực hành xây dựng khóa lưỡng phân.

7. MÔN LỊCH SỬ 6 – TUẦN 8

BÀI 8: ÁN ĐỘ CỔ ĐẠI

III. Những thành tựu văn hóa tiêu biểu

- Tôn giáo : Ấn Độ là quê hương của các tôn giáo lớn trên thế giới.
 - + Bà La Môn là tôn giáo cổ xưa, sau được cải biến thành Hin –đu giáo(Ấn Độ giáo)
 - + Phật giáo .
- Chữ viết, văn học:
 - + Chữ viết : Chữ phạn
 - + Văn học : tác phẩm tôn giáo, sử thi, truyện ngụ ngôn.
- Khoa học tự nhiên :
 - + Toán học : Phát minh ra hệ thống 10 chữ số từ 0 đến 9.
- Y học đạt được nhiều thành tựu: biết sử dụng thuốc tê, thuốc mê khi phẫu thuật, biết sử dụng thảo mộc trong chữa bệnh.
- Kiến trúc và điêu khắc : Có nhiều công trình kiến trúc và điêu khắc tiêu biểu – chịu ảnh hưởng tôn giáo.

BÀI 9: TRUNG QUỐC TỪ THỜI CỔ ĐẠI ĐẾN THẾ KỈ VII

1. Điều kiện tự nhiên

Học sinh tự học

2. Quá trình thống nhất và xác lập chế độ phong kiến dưới thời Tần Thủy Hoàng

- Trong khoảng 2.000 năm từ thời Hạ đến thời Chu, các tiểu quốc gây chiến tranh nhằm thôn tính lẫn nhau
- Năm 221 TCN, Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Quốc, tiến hành thống nhất mọi mặt nhằm đặt nền tảng cho sự phát triển lâu dài của Trung Quốc về sau.
- Xã hội phong kiến Trung Quốc gồm hai giai cấp: địa chủ và nông dân lĩnh canh; địa chủ bóc lột nông dân lĩnh canh bằng địa tô.

8. MÔN ĐỊA LÝ 6 – TUẦN 8

Tiết 8. Bài 5. VỊ TRÍ TRÁI ĐẤT TRONG HỆ MẶT TRỜI.

HÌNH DẠNG VÀ KÍCH THƯỚC CỦA TRÁI ĐẤT

I. Vị trí Trái Đất trong hệ Mặt Trời (HS tự học)

- Trái Đất nằm ở vị trí thứ 3 theo thứ tự xa dần Mặt Trời.
- Ý nghĩa: Khoảng cách từ Trái Đất đến Mặt Trời là khoảng cách lí tưởng giúp cho Trái Đất nhận được lượng nhiệt và ánh sáng phù hợp để sự sống có thể tồn tại và phát triển.

II. Hình dạng, kích thước của Trái Đất

- Trái Đất có hình cầu.
- Trái Đất có bán kính Xích đạo là 6 378 km, diện tích bề mặt là 510 triệu km².
- Nhờ có kích thước và khối lượng đủ lớn, Trái Đất đã tạo ra lực hút giữ được các chất khí làm thành lớp vỏ khí bảo vệ mình

Hoạt động luyện tập.

Bài 1: Lựa chọn đáp án đúng nhất:

Câu 1: Trong hệ Mặt Trời, hành tinh nào sau đây xa Mặt Trời nhất ?

- A. Kim tinh.
- B. Thiên Vương tinh.
- C. Thủy tinh.
- D. Hải Vương tinh.

Câu 2: Trong hệ Mặt Trời, hành tinh nào sau đây gần Mặt Trời nhất ?

- A. Mộc tinh.

- B. Kim tinh.
- C. Thủy tinh.
- D. Thổ tinh.

Câu 3: Đứng thứ năm trong hệ Mặt Trời (tính từ trong ra) và có kích thước lớn nhất là:

- A. Mộc tinh.
- B. Hải Vương tinh.
- C. Thiên Vương tinh.
- D. Hỏa tinh.

Câu 4: Đứng thứ nhất trong hệ Mặt Trời (tính từ trong ra) và có kích thước nhỏ nhất là:

- A. Mộc tinh.
- B. Thủy tinh.
- C. Kim tinh.
- D. Thổ tinh.

*Câu 5: Nội dung nào sau đây **không** đúng với vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời?*

- A. Nằm ở vị trí thứ ba từ Mặt Trời trở ra.
- B. Nằm ở vị trí thứ ba từ ngoài trở vào Mặt Trời.
- C. Khoảng cách đến Mặt Trời là 149,6 triệu km.
- D. Khoảng cách từ Mặt Trời đến Trái Đất phù hợp cho sự sống.

Câu 6: Trái Đất có dạng hình gì ?

- A. Tròn.
- B. Cầu.
- C. Elip.
- D. Vuông.

Câu 7: Bán kính của Trái Đất là:

- A. 6378 km.
- B. 40 076 km.
- C. 510 triệu km².
- D. 149,6 triệu km.

Bài 2: Trong các câu sau, câu nào đúng, câu nào sai ?

- A. Mặt Trời là một hệ hành tinh, gồm nhiều thiên thể.
- B. Hệ Mặt Trời là một hệ sao, với nhiều sao có khả năng tự phát sáng.
- C. Hệ Mặt Trời là một hệ sao trong dải Ngân Hà, có tám hành tinh.
- D. Mặt Trời là một ngôi sao tự phát ra ánh sáng nằm trong hệ Mặt Trời.

Bài 3: Để thuyết phục người khác rằng: Trái Đất có dạng hình khối cầu, em có thể sử dụng các dẫn chứng nào sau đây ?

- A. Ảnh chụp Trái Đất từ vệ tinh.
- B. Bóng Trái Đất che Mặt Trăng vào đêm nguyệt thực.
- C. Sơ đồ hệ Mặt Trời trong SGK.
- D. Sự tích bánh chưng, bánh giầy.

Hoạt động vận dụng:

Bài 1: Khi đứng ở bờ biển quan sát một con tàu từ xa vào bờ, đầu tiên ta chỉ nhìn thấy ống khói, sau đó là một phần thân tàu, cuối cùng ta mới nhìn thấy toàn bộ con tàu. Dựa vào kiến thức về hình dạng của Trái Đất để giải thích hiện tượng đó.

Bài 2: Tại sao người ta phải xây dựng các đài quan sát ở ven biển ? Kể tên ba đài quan sát ven biển của nước ta.

Bài 3: Giả sử có người sinh sống ở hành tinh khác, em hãy viết một lá thư khoảng 10 dòng giới thiệu về Trái Đất của chúng ta với họ.

- Ôn tập nội dung kiến thức từ bài 1- bài 5.

9. MÔN CÔNG NGHỆ 6 – TUẦN 8

BÀI 4. THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG (Tiết 2)

II. ĂN UỐNG KHOA HỌC

1. Bữa ăn hợp lý

Bữa ăn hợp lý là bữa ăn có sự kết hợp đa dạng các loại thực phẩm cần thiết theo tỉ lệ thích hợp để cung cấp vừa đủ cho nhu cầu của cơ thể năng lượng và chất dinh dưỡng

2. Thói quen ăn uống khoa học

Ăn bữa ăn

Ăn đúng cách

Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm

Uống đủ nước

***Bài tập:**

Tình huống như sau: 3 bạn Lan, Hằng, Thu ngồi nói chuyện với nhau làm thế nào có thói quen ăn uống khoa học để con người có sức khỏe tốt.

Lan cho rằng: Lúc nào thích thì ăn, chỉ ăn những món mình thích như gà rán, nem rán, những món ăn hàng quán, vỉa hè, trà sữa.

Hằng thì bảo: Cần ăn đủ 1 ngày 3 bữa sáng, trưa, tối; ăn đúng cách nhai kỹ; chỉ ăn loại thực phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm được chế biến cẩn thận.

Thu thì nêu ý kiến: Một ngày ăn 3 sáng, trưa, tối. Có thể ăn những món mình thích.

? Theo em ý kiến Bạn Hằng là đúng

10. MÔN GDCD 6 – TUẦN 8

Bài 3: SIÊNG NĂNG, KIÊN TRÌ

3. Cách rèn luyện siêng năng, kiên trì.

– Tự đánh giá được hành vi của bản thân và của người khác về siêng năng, kiên trì trong học tập, lao động, trong sinh hoạt hàng ngày.

– Tự bản thân rèn luyện đức tính siêng năng, kiên trì ở mọi nơi, mọi lúc.

– Quý trọng những người siêng năng, kiên trì. Không đồng tình với những biểu hiện của sự lười biếng, hay nản lòng.

*** LUYỆN TẬP:**



Theo em, bạn trong tranh cần làm gì để có kết quả học tập tốt hơn?

- Gợi ý: Theo em, bạn trong tranh cần kiên trì và chăm chỉ hơn trong học tập để có kết quả học tập tốt hơn.



Bạn Nam đã siêng năng, kiên trì như thế nào để thực hiện ước mơ của mình?
 Bạn Nam đã siêng năng, kiên trì tập luyện bóng đá hằng ngày để thực hiện được ước mơ của mình.

<p>1 Năm học này, Hân dự định đăng kí tham gia cuộc thi hùng biện bằng tiếng Anh do nhà trường tổ chức. Nhưng Hân lo lắng vì vốn từ vựng tiếng Anh của mình còn hạn chế nên đắn đo không biết có nên dự thi hay không.</p>	<p>2 Lớp 6A có phong trào thi đua giải các bài toán khó. Mặc dù là thành viên trong lớp nhưng Hoà thường xuyên bỏ qua, không làm những bài toán khó vì ngại suy nghĩ.</p>
<p>1 ?</p> <p>a) Theo em, Hân có nên tham gia cuộc thi không? Tại sao?</p> <p>b) Hân cần làm gì để thực hiện được mục tiêu của mình?</p>	<p>2 ?</p> <p>a) Việc làm của Hoà trong tình huống trên thể hiện bạn thiếu đức tính gì?</p> <p>b) Nếu là bạn của Hoà, em sẽ khuyên Hoà điều gì?</p>

- gợi ý:

1.a) Theo em, Hân nên tham gia. Tại vì đó là cơ hội để bạn học hỏi và trau dồi thêm những gì mà bạn đang thiếu.

b) Hân cần cố gắng, kiên trì, chăm chỉ học từ vựng mỗi ngày.

2.a) Việc làm của Hoà trong tình huống trên thể hiện bạn thiếu đức tính chăm chỉ và kiên trì.

b) Nếu là bạn của Hoà em sẽ khuyên bạn nên cố gắng chăm chỉ tham gia, vì qua các phong trào này bạn học hỏi được rất nhiều kinh nghiệm và đặc biệt là trau dồi cho bạn 1 lượng kiến thức khác lớn.

*** BÀI TẬP VẬN DỤNG**

1. Em hãy sưu tầm 1 tấm gương về siêng năng, kiên trì và viết bài học rút ra từ tấm gương đó?

- gợi ý: Nguyễn Ngọc Kí. Bài học rút ra từ tấm gương đó là dù ở bất kể ở tình huống nào, hoàn cảnh khó khăn nào cũng cần phải lạc quan, chăm chỉ, cố gắng thích nghi và chăm chỉ, kiên trì học tập để trở thành người có ích cho xã hội

2. Em hãy xây dựng và thực hiện kế hoạch khắc phục những biểu hiện chưa siêng năng, kiên trì của bản thân, sau đó chia sẻ kết quả thực hiện với thầy cô và các bạn?

- Gợi ý: dậy sớm, làm bài tập thường xuyên, kiên trì tập thể dục...

Các em làm bài tập vào vở cô sẽ kiểm tra

11. MÔN TIN HỌC 6 – TUẦN 8

TUẦN 8 - TIẾT 8

BÀI 5: INTERNET

1. Internet là gì?

Internet là mạng liên kết các mạng máy tính trên khắp thế giới.

- Máy tính có thể được kết nối với Internet thông qua một nhà cung cấp dịch vụ Internet như Viettel, Mobiphone, ...

- Người sử dụng truy cập Internet để tìm kiếm, chia sẻ, lưu trữ và trao đổi thông tin

- Có nhiều dịch vụ thông tin khác nhau trên Internet: Dịch vụ WWW, tìm kiếm, thư điện tử,

2. Đặc điểm của Internet:

+ Tính toàn cầu

+ Tính tương tác

+ Tính dễ tiếp cận

+ Tính không chủ sở hữu

+ Tính cập nhật

+ Tính lưu trữ

+ Tính đa dạng

+ Tính ẩn danh

Internet có những đặc điểm chính:

+ Tính toàn cầu

+ Tính tương tác

+ Tính dễ tiếp cận

+ Tính không chủ sở hữu

3. Lợi ích Internet:

+ Trao đổi thông tin một cách nhanh chóng, hiệu quả.

+ Học tập và làm việc trực tuyến

+ Cung cấp nguồn tài liệu phong phú

+ Cung cấp các tiện ích phục vụ đời sống

+ Là phương tiện vui chơi, giải trí.

Bài tập về nhà: làm bài 1,2 trang 22 SGK.

12. MÔN ÂM NHẠC 6 – TUẦN 8

TIẾT 8: ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 1 VÀ 2

I/ Ôn tập hai bài hát

1 -Con đường học trò

2 -Đời sống không già vì có chúng em

3-TĐN số 1

II/ Ôn tập nhạc lí

-Các thuộc tính cơ bản của âm thanh có tính nhạc: Kí hiệu hệ thống chữ latin

-Nhạc cụ: kèn phím

13. MÔN MỸ THUẬT 6 – TUẦN 8

Tuần 8 - Chủ đề 1: Biểu cảm của sắc màu

BÀI 4: THIỆP CHÚC MỪNG(Tiết 2)

(Nội dung mỹ thuật tạo hình)

(Kiểm tra giữa kì 1)

HS nhắc lại kiến thức trọng tâm ở tiết trước của bài học: cách tạo thiệp chúc mừng (các bước tạo thiệp trang 18 sgk)

I. Tạo thiệp chúc mừng với hình có sẵn:

HS tiếp tục thực hiện tạo thiệp chúc mừng theo ý thích, hoàn thành sản phẩm nêu tiết trước học sinh chưa hoàn thành.

II. Trung bày sản phẩm và chia sẻ:

- Học sinh trưng bày thiệp chúc mừng của mình.
- Học sinh giới thiệu sản phẩm của mình với các bạn.
- Học sinh nêu cảm nhận về sản phẩm của bạn.

III. Tìm hiểu ứng dụng của thiệp chúc mừng trong đời sống:

- Học sinh phát biểu được về một số ứng dụng của thiệp chúc mừng.
- Chia sẻ về việc dùng thiệp mà mình vừa thực hiện.

14. MÔN THỂ DỤC 6 – TUẦN 8

CHỦ ĐỀ 1: CHẠY CỰ LI NGẮN (60m)

BÀI 4: CHẠY VỀ ĐÍCH

(Thời lượng: 3 tiết)

NỘI DUNG:

- Làm quen với chạy về đích (chạy băng qua đích) và phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn.
- Nhận biết yêu cầu và cách thực hiện động tác.

NỘI DUNG BÀI HỌC

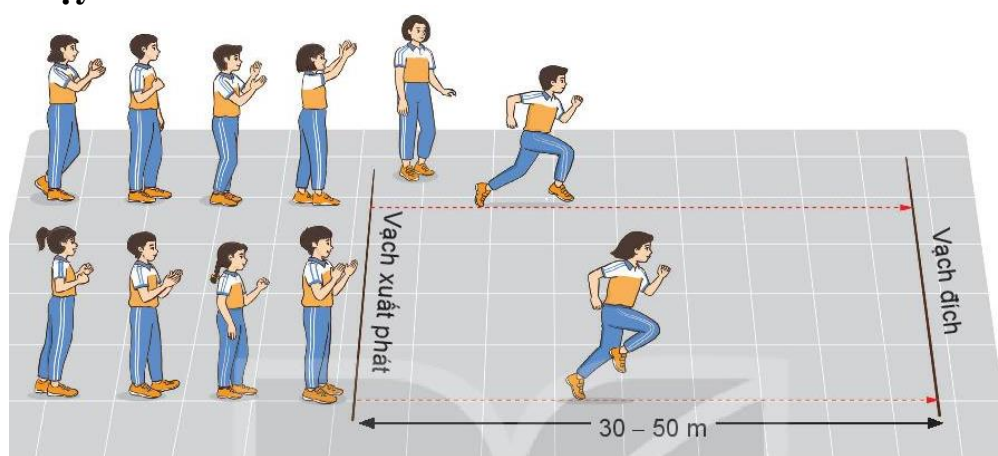
1. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:

Hoạt động 1: Chạy về đích

- Chạy về đích là giai đoạn cuối của cự li chạy, người chạy phải nỗ lực duy trì tốc độ cao nhất. Ở bước cuối cùng gập thân nhanh ra trước khi vượt qua vạch đích.
- Hoạt động sau khi về đích: Không dừng lại đột ngột, chạy chậm dần chuyển thành đi bộ và kết hợp thả lỏng.

2. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:

Chạy về đích



- GV chỉ dẫn một số sai sót đơn giản thường gặp trong luyện tập.
- + Gần đến đích giảm tốc độ.
- + Nhảy qua vạch đích.
- + Dừng lại đột ngột ngay sau vạch đích.

3. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

CHỦ ĐỀ 3: CHẠY CỰ LI TRUNG BÌNH

BÀI 3: XUẤT PHÁT VÀ TĂNG TỐC ĐỘ SAU XUẤT PHÁT

CHẠY VỀ ĐÍCH

(Thời lượng: 3 tiết)

NỘI DUNG:

Hoạt động 3: Một số điều luật trong thi đấu các môn chạy

a. Mục tiêu: biết chạy về đích

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi, tập theo hiệu lệnh.

NỘI DUNG BÀI HỌC

3. Một số điều luật trong thi đấu các môn chạy

Trong thi đấu chạy cự li trung bình:

— Xuất phát được thực hiện ở tư thế xuất phát cao.

— Vạch xuất phát là một đường vòng cung để tất cả các vận động viên có cự li thi đấu bằng nhau.

— Khi chạy trong sân vận động, muốn vượt lên người phía trước phải vượt về phía bên phải.

2. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:

- GV chỉ dẫn một số sai sót đơn giản thường gặp trong luyện tập:

+ Xuất phát: Khi có lệnh “Sẵn sàng!” không chuyển trọng tâm cơ thể ra chân trước, bàn chân giậm vạch xuất phát hoặc không đặt sát mép sau của vạch xuất phát.

+ Chạy tăng tốc độ sau xuất phát: Cố gắng đạt tốc độ cao nhất, không hướng tới mép trong của đường chạy.

+ Chạy về đích: Nhảy qua vạch đích, nằm, ngồi sau khi về đích.

3. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

GV đánh giá, nhận xét, ôn lại lý thuyết theo trong giáo án, kế hoạch tiết 18 kiểm tra lý thuyết.